

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2918/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch nhiệm kỳ 2020-2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TĐHYKPNT ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc Ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành và rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ Kế hoạch số 1126/KH-TĐHYKPNT ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập hội đồng rà soát, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng;

Căn cứ Quyết định số 2170/QĐ-TĐHYKPNT ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập hội đồng thẩm định

chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng cải tiến và các điều kiện đảm bảo chất lượng;

Căn cứ Biên bản tại phiên họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y tế công cộng và Biên bản tại phiên họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng cải tiến và các điều kiện đảm bảo chất lượng ngày 28 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Y tế công cộng tại phiếu trình số 219/PTr-KYTCC ngày 08 tháng 8 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Y tế công cộng, được áp dụng từ năm học 2023-2024 cho sinh viên tuyển sinh từ năm 2023

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học, Trưởng Khoa, Trưởng các bộ môn và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HẾT (để b/cáo);
- Ban Giám hiệu (để c/đạo);
- Công TTĐT Trường (để t/báo);
- Lưu: VT, QLĐTĐH, K.YTCC (TVT_8).

HIỆU TRƯỞNG *ch*



PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

ch

Phụ lục

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 298/QĐ-TĐHYKPNT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1.1. Trình độ đào tạo : Đại học
- 1.2. Ngành đào tạo : Y tế công cộng (Public health)
- 1.3. Hình thức đào tạo : Chính quy
- 1.4. Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt
- 1.5. Mã ngành : 7720701
- 1.6. Thời gian đào tạo : 04 năm
- 1.7. Văn bằng tốt nghiệp : Bằng Cử nhân Y tế công cộng (Bachelor of science in Public health)
- 1.8. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ
- 1.9. Chuẩn đầu vào : tốt nghiệp THPT và theo quy định của đề án tuyển sinh đại học hằng năm của trường.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch: Giáo dục toàn diện – hướng về cộng đồng – lấy người học làm trung tâm.

2.2. Sứ mạng, tầm nhìn của Trường:

- Sứ mạng của Trường: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.
- Tầm nhìn của Trường: Phát triển thành một trong những đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân Y tế công cộng theo định hướng nghề nghiệp, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng độc lập thực hiện một số kỹ thuật cơ bản của chuyên ngành; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề sức khỏe của cộng đồng, phục vụ cho công tác dự phòng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. PLO1 - Vận dụng những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- PI 1.1. Giải thích được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- PI 1.2. Vận dụng được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và hoạt động xã hội, hoạt động chuyên môn.
- PI 1.3. Chủ động trong học tập, tôn trọng tính kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

3.2. PLO2 - Đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc của Bộ GD&ĐT qui định (tương đương với B1 khung châu Âu), đồng thời sử dụng được ngoại ngữ trong môi trường làm việc, cập nhật kiến thức chuyên môn Y khoa.

- PI 2.1. Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong học tập hoặc thực hành nghề nghiệp.
- PI 2.2. Đọc hiểu, sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để phục vụ quá trình học tập, thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

3.3. PLO3 - Đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng để xử lý dữ liệu thống kê trong nghiên cứu y khoa.

- PI 3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và tra cứu tài liệu chứng cứ khoa học hiệu quả.
- PI 3.2. Thao tác cơ bản với phần mềm công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.
- PI 3.3. Ứng dụng các thiết bị liên lạc, hỗ trợ trong thực hành nghề nghiệp.
- PI 3.4: Ứng dụng được công nghệ thông tin đặc thù trong các hoạt động y tế công cộng.

3.4. PLO4 - Giải thích được các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học làm nền tảng cho Y tế công cộng.

- PI 4.1. Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển theo sinh lý tự nhiên về thể chất và tinh thần con người qua các giai đoạn phát triển trong mối tương tác với môi trường.
- PI 4.2. Giải thích được sự thay đổi cấu trúc, chức năng và sự phát triển về thể chất và tinh thần con người trong mối tương tác với môi trường ở tình trạng bệnh lý.
- PI 4.3. Giải thích được quá trình chuyển hoá sinh học và hoá học của cơ thể.
- PI 4.4. Giải thích được cơ chế và nguyên nhân gây bệnh trong các bệnh truyền nhiễm, bệnh không truyền nhiễm.

3.5. PLO5 - Phân tích được các nguyên tắc y tế công cộng trong khoa học sức khoẻ

- PI 5.1. Phân tích được được nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam và vai trò của y tế công cộng đối với ngành y tế.
- PI 5.2. Phân tích được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế.
- PI 5.3. Phân tích được các khái niệm và nguyên lý của dịch tễ học, các phép đo cơ bản.

- PI 5.4. Phân tích được các nguyên tắc điều tra một vụ dịch, vụ ngộ độc thực phẩm, phòng chống ô nhiễm môi trường.
- PI 5.5. Phân tích được các nguyên tắc đảm bảo an toàn thực phẩm.

3.6. PLO6 - Ứng dụng được các phương pháp y tế công cộng trong khoa học sức khỏe.

- PI 6.1. Đánh giá được nội dung chính của các dự án y tế.
- PI 6.2. Xây dựng được các nội dung chính trong quản lý dự án/dề án.
- PI 6.3. Phân tích được yếu tố nguy cơ và mối liên quan giữa các yếu tố nguy cơ với bệnh liên quan, các yếu tố nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các yếu tố nguy cơ của bệnh nghề nghiệp.
- PI 6.4. Đánh giá được các chỉ số sức khỏe chủ yếu, các dữ liệu sau khi điều tra một vụ dịch và vụ ngộ độc thực phẩm.
- PI 6.5. Điều tra được một vụ dịch, một vụ ngộ độc thực phẩm.

3.7. PLO7 - Đánh giá được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.

- PI 7.1. Đánh giá được những vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng, những nguyên nhân và yếu tố nguy cơ tác động đến vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
- PI 7.2. Phân tích được hệ thống giám sát các chỉ số thể hiện vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.

3.8. PLO8 - Đánh giá được kết quả triển khai thực hiện đề án can thiệp tại cộng đồng.

- PI 8.1. Phân tích được các mục tiêu của các đề án can thiệp tại cộng đồng.
- PI 8.2. Đánh giá được các giải pháp có hiệu quả trong việc xây dựng đề án can thiệp tại cộng đồng.
- PI 8.3. Thực hiện được đề án can thiệp tại cộng đồng.

3.9. PLO9 - Thực hiện được một khoá luận hoặc một chuyên đề liên quan đến y tế công cộng.

- PI 9.1: Phân tích được các chủ đề nghiên cứu, các vấn đề nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu, các chuyên đề thuộc y tế công cộng.
- PI 9.2: Đánh giá được các tài liệu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu, đến các chuyên đề thuộc y tế công cộng.
- PI 9.3: Thiết kế được nội dung phương pháp nghiên cứu dựa trên câu hỏi nghiên cứu đã xác định
- PI 9.4: Thực hiện được công tác thu thập số liệu dựa trên phương pháp nghiên cứu đã xác định.
- PI 9.5: Bàn luận được kết quả nghiên cứu đã thực hiện, kết quả chuyên đề đã thực hiện.

3.10. PLO10 - Truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân trong cộng đồng.

- PI 10.1. Đánh giá được tâm lý và các yếu tố văn hóa – xã hội của cộng đồng.
- PI 10.2. Ứng dụng được các kỹ năng trong giao tiếp với cộng đồng.
- PI 10.3. Thiết kế được tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.
- PI 10.4. Thực hiện được việc truyền thông giáo dục sức khỏe.

- PI 10.5. Đánh giá được kết quả truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

4.1. Vị trí việc làm:

Sau khi được đào tạo, người học có khả năng được tuyển dụng với chức danh nghề nghiệp Cử nhân y tế công cộng và làm việc trong các cơ sở: Viện Nghiên cứu, các Vụ, cục Bộ Y tế, Sở Y tế, các Trung tâm kiểm soát bệnh tật, các Trung tâm y tế và cơ sở y tế khác có liên quan đến y tế công cộng và y học dự phòng, các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn Y tế công cộng.

4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng tự học, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện kỹ năng mềm.
- Có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên đề sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ y tế công cộng trong và ngoài nước.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh: theo đề án tuyển sinh hằng năm của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được công bố theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Quy định đào tạo: thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế của Trường.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi hoàn thành toàn bộ các học phần theo đúng tỷ lệ của từng khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình Giáo dục Thể chất, chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh và đạt chuẩn năng lực Ngoại ngữ, và hoàn thành các nghĩa vụ khác của người học. Cụ thể:

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
1	Kết quả học tập	Tích lũy đủ 134 tín chỉ. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc 5,00 trở lên (thang điểm 10).	
2	Kết quả rèn luyện	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập.	
3	Điều kiện Ngoại ngữ	Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3/6 tương đương với trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Sinh viên tự tích lũy

TT	ĐIỀU KIỆN	MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	Ghi chú
4	Điều kiện Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục Thể chất	Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng– An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất.	

6. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

6.1. Tổ chức dạy học

- Tổ chức dạy học trực tiếp: Nhà trường sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ.

Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

- Tổ chức dạy học trực tuyến: Nhà trường có hệ thống bài giảng số, trực tuyến cho từng cụ thể của học phần và từng đối tượng. Có đầy đủ hệ thống bài tập, hệ thống phản hồi từ người học. Đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các môn học/học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/môn học có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

6.2. Phương pháp giảng dạy

-Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 1. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và học tập với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên mô phỏng bằng phương pháp đóng vai						X		X	X	X
Dạy học dựa trên nghiên cứu					X	X	X	X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề				X		X	X	X	X	

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Dạy học trong môi trường cộng đồng					X	X	X	X	X	X

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (LƯỢNG GIÁ)

Chương trình đào tạo áp dụng 2 phương pháp đánh giá chính là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

7.1. Đánh giá quá trình: Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Tính chuyên cần; (2) Việc hoàn thành các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và khả năng thuyết trình; (3) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (4) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

7.2. Đánh giá kết thúc học phần: Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua thực hiện và bảo vệ đồ án, khoá luận, thực hành, thí nghiệm, trình bày bài giảng, . . .).

Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra (PLO)

Phương pháp kiểm tra và đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Viết tiểu luận	X	X	X							
Tự luận câu hỏi ngắn	X	X								
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn				X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo thực tập						X	X	X	X	X
Khoá luận		X	X	X	X	X	X	X	X	
Thuyết trình	X	X								

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 3. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương Các học phần đại cương (chưa kể các học phần: Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)	18

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
2	Giáo dục chuyên nghiệp	
	- Các học phần cơ sở ngành	22
	- Các học phần chuyên ngành bắt buộc	78
	- Các học phần chuyên ngành tự chọn: chọn 8 tín chỉ trong 18 tín chỉ	8
3	Học phần tốt nghiệp: chọn 1 trong 2 học phần: - Khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng - Thay thế khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng	8
	Tổng cộng	134

8.2. Nội dung chi tiết chương trình

Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
Các học phần đại cương					
1	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	
6	Tin học đại cương	2	1	1	
7	Giáo dục thể chất*				
8	Giáo dục quốc phòng – An ninh*				
9	Pháp luật đại cương	1	1	0	
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1 (Y tế công cộng)	2	2	0	
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2 (Y tế công cộng)	2	2	0	
Các học phần cơ sở ngành					
12	Hoá đại cương	2	2	0	
13	Vật lý - Lý sinh	2	2	0	



TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
14	Sinh học và di truyền	2	2	0	
15	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	
16	Ký sinh y học	2	1	1	
17	Hoá sinh	2	1	1	
18	Sinh lý học	2	2	0	
19	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0	
20	Giải phẫu	2	1	1	
21	Vi sinh y học	2	1	1	
22	Xác suất - Thống kê y học	2	2	0	
Các học phần chuyên ngành bắt buộc					
23	Tâm lý học	2	2	0	
24	Các bệnh thông thường 1	3	2	1	
25	Các bệnh thông thường 2	3	2	1	
26	Sức khoẻ cộng đồng đại cương	3	3	0	
27	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0	
28	Nguyên lý và kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0	
29	Phòng chống thảm hoạ	2	2	0	
30	Dân số và phát triển	2	2	0	
31	Nhân học y học và xã hội học y học	3	3	0	
32	Kế hoạch y tế 1	1	1	0	
33	Kế hoạch y tế 2	2	2	0	
34	Quản lý các chương trình sức khoẻ	2	2	0	
35	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0	
36	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2	

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Điều kiện (học phần tiên quyết hay học phần học trước)
			Lý thuyết	Thực hành	
37	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	0	
38	Quản lý tài chính - Kinh tế y tế	2	2	0	
39	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	1	
40	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2	1	1	
41	Nâng cao sức khỏe	3	2	1	
42	Chính sách y tế	2	2	0	
43	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	1	
44	Sức khỏe sinh sản	2	2	0	
45	Phê bình y văn	2	1	1	
46	Thực tập cộng đồng 2	4	0	4	
47	Điều tra một vụ dịch	2	1	1	
48	Truyền thông giáo dục sức khỏe	4	2	2	
49	Phân tích số liệu	3	0	3	
50	Nghiên cứu định tính	2	1	1	
51	Thiết kế, đánh giá chương trình y tế	2	2	0	
52	Xây dựng dự án Y tế	4	0	4	
53	Thực tập cộng đồng 3	6	0	6	
Các học phần chuyên ngành tự chọn: chọn 8 tín chỉ trong 18 tín chỉ					
54	Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học	3	0	3	
55	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	3	3	0	
56	Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	3	2	1	
57	Quản trị cơ sở dữ liệu sức khỏe	3	1	2	
58	Thống kê y sinh học ứng dụng	2	1	1	
59	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm	2	1	1	
60	Nghiên cứu và đánh giá hệ thống thông tin y tế	2	1	1	

T T	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
9	Pháp luật đại cương	Introduction in Laws	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2
10	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Foreign language 1 (English in public health)	1	4	1	1	1	1	1	1	1	1
11	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Foreign language 2 (English in public health)	1	4	1	1	1	1	1	1	1	1
12	Hoá đại cương	Chemistry	1	1	1	3	2	1	1	1	1	1
13	Vật lý - Lý sinh	Physic - Biophysics	1	1	1	3	1	1	1	1	1	1
14	Sinh học và di truyền	Biology - Genetics	1	2	2	4	1	1	1	1	1	1
15	Nghiên cứu khoa học	Research methodology	1	5	5	1	1	4	3	2	5	1
16	Ký sinh y học	Parasitology	1	2	2	3	3	2	3	3	2	2
17	Hoá sinh	Biochemistry	1	1	1	4	2	2	2	2	1	2
18	Sinh lý học	Physiology	1	1	1	4	1	1	1	1	1	1
19	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	1	1	1	4	1	1	1	1	1	1
20	Giải phẫu	Anatomy	1	1	1	4	3	3	3	1	3	3
21	Vi sinh y học	Microbiology	1	1	1	4	1	1	1	1	1	1
22	Xác suất - Thống kê y học	Probability - Biostatistics	1	2	3	3	3	3	2	3	3	3
23	Tâm lý học	Psychology	1	1	1	4	1	1	4	1	1	4
24	Các bệnh thông thường 1	Common diseases 1	1	1	1	4	1	1	3	3	3	1
25	Các bệnh thông thường 2	Common diseases 2	1	1	1	4	1	1	3	3	3	1
26	Sức khoẻ cộng đồng đại cương	Introduction to community health	1	1	1	3	3	3	3	3	3	1

T T	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
27	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	Health system and health management	1	1	1	1	3	3	3	3	3	2
28	Nguyên lý và kỹ năng quản lý cơ bản	Basic principles and skills of management	1	1	1	1	4	4	3	3	3	2
29	Phòng chống thảm họa	Disaster prevention	1	1	1	5	4	5	4	3	3	3
30	Dân số và phát triển	Demography and development	1	1	1	1	4	4	4	3	4	2
31	Nhân học y học và xã hội học y học	Medical anthropology and medical sociology	2	1	1	2	2	2	3	2	2	3
32	Kế hoạch y tế 1	Health planning 1	1	1	1	1	5	5	5	4	3	1
33	Kế hoạch y tế 2	Health planning 2	1	1	1	1	5	5	5	4	3	2
34	Quản lý các chương trình sức khỏe	Health program management	1	1	1	1	5	5	5	5	4	4
35	Dịch tễ học cơ bản	Basic epidemiology	1	1	1	1	1	5	5	4	5	4
36	Thực tập cộng đồng 1	Community health practice 1	1	3	5	1	1	3	5	4	3	2
37	Quản lý dịch vụ y tế	Health service administration	1	1	1	1	5	5	4	2	4	1
38	Quản lý tài chính - Kinh tế y tế	Health economics - Health financial management	1	1	1	1	4	3	2	3	3	1
39	Sức khỏe môi trường cơ bản	Basic environmental health	1	1	1	4	4	4	4	3	3	3

T T	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
40	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	Basic occupational health	1	1	1	4	4	4	4	3	3	3
41	Nâng cao sức khỏe	Health promotion	1	1	1	1	2	2	3	4	3	5
42	Chính sách y tế	Health policy	1	1	1	1	4	4	3	3	2	2
43	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	Nutrition and food safety	1	1	1	1	1	1	2	2	3	3
44	Sức khỏe sinh sản	Reproductive health	1	1	1	1	2	2	2	2	1	3
45	Phê bình y văn	Critical appraisal of medical literature	1	1	1	1	4	4	4	4	4	3
46	Thực tập cộng đồng 2	Community health practice 2	1	4	5	1	1	3	5	4	3	2
47	Điều tra một vụ dịch	Outbreak Investigation	1	1	2	2	3	4	3	2	1	1
48	Truyền thông giáo dục sức khỏe	Health communication and health education	1	1	1	1	1	1	3	3	3	5
49	Phân tích số liệu	Data analysis	1	2	4	3	2	2	2	2	2	2
50	Nghiên cứu định tính	Qualitative research	1	1	1	1	1	2	2	2	4	2
51	Thiết kế, đánh giá chương trình y tế	Health program design and evaluation	1	1	1	1	4	5	5	5	3	2
52	Xây dựng dự án Y tế	Health project planning	1	4	5	1	3	4	4	5	3	3
53	Thực tập cộng đồng 3	Community health practice 3	1	5	5	1	4	4	4	4	5	2

T T	Tên học phần bằng tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)									
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
54	Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học	Health research proposal	1	5	5	1	3	4	4	4	4	2
55	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	Epidemiology of comunicable diseases and non-comunicable diseases	1	1	1	3	4	4	4	3	3	3
56	Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	Dietary intake development	1	1	1	1	1	3	3	3	3	1
57	Quản trị cơ sở dữ liệu sức khoẻ	Health data management	1	1	1	1	3	4	4	4	4	3
58	Thống kê y sinh học ứng dụng	Applied biostatistics	1	2	4	3	3	3	3	3	4	3
59	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm	Food contamination and foodborne illness	1	1	1	3	3	3	3	3	3	3
60	Nghiên cứu và đánh giá hệ thống thông tin y tế	Study and assessment of health information systems	1	3	5	1	4	4	4	4	4	4
61	Khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng	Minor Thesis in Public Health	1	5	5	3	5	5	5	5	5	4
62	Thay thế khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng	Replacement of the Minor Thesis in Public Health	1	1	1	1	4	4	4	4	5	3

2: Ít đáp ứng

4: Đáp ứng nhiều

1: Không đáp ứng/Không liên quan

3: Đáp ứng trung bình

5: Đáp ứng rất nhiều

8.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Bảng 6. Kế hoạch giảng dạy Khoá 9 từ năm 2023 đến năm 2027

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
Các học phần đại cương											
1	11001001	Triết học Mác - Lênin	3	X							
2	11001002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	X							
3	11001003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			X					
4	11001004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			X					
5	11001005	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	2					X			
6	11002006	Tin học đại cương	2	X							
7	11004007	Giáo dục thể chất		X							
8	11080008	Giáo dục quốc phòng – An ninh			X						
9	11072009	Pháp luật đại cương	1							X	
10	11003010	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	2		X						
11	11003011	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2			X					
Các học phần cơ sở ngành											
12	21013012	Hoá đại cương	2	X							
13	21010013	Vật lý - Lý sinh	2	X							
14	21012014	Sinh học và di truyền	2	X							
15	21065015	Nghiên cứu khoa học	2					X			
16	21008016	Ký sinh y học	2			X					
17	21013017	Hoá sinh	2		X						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
18	21007018	Sinh lý học	2		X						
19	21007019	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2		X						
20	21005020	Giải phẫu	2		X						
21	21006021	Vi sinh y học	2			X					
22	21002022	Xác suất - Thống kê y học	2		X						
Các học phần chuyên ngành bắt buộc											
23	31070023	Tâm lý học	2		X						
24	31031024	Các bệnh thông thường 1	3			X					
25	31028025	Các bệnh thông thường 2	3			X					
26	31071026	Sức khỏe cộng đồng đại cương	3		X						
27	31071027	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2			X					
28	31071028	Nguyên lý và kỹ năng quản lý cơ bản	2			X					
29	31069029	Phòng chống thảm họa	2				X				
30	31065030	Dân số và phát triển	2				X				
31	31072031	Nhân học y học và xã hội học y học	3				X				
32	31071032	Kế hoạch y tế 1	1				X				
33	31071033	Kế hoạch y tế 2	2					X			
34	31071034	Quản lý các chương trình sức khỏe	2				X				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
35	31065035	Dịch tễ học cơ bản	2				X				
36	31071036	Thực tập cộng đồng 1	2				X				
37	31071037	Quản lý dịch vụ y tế	3					X			
38	31067038	Quản lý tài chính - Kinh tế y tế	2					X			
39	31069039	Sức khỏe môi trường cơ bản	2					X			
40	31069040	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2					X			
41	31072041	Nâng cao sức khỏe	3					X			
42	31071042	Chính sách y tế	2						X		
43	31066043	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2						X		
44	31065044	Sức khỏe sinh sản	2						X		
45	31065045	Phê bình y văn	2						X		
46	31071046	Thực tập cộng đồng 2	4						X		
47	31065047	Điều tra một vụ dịch	2							X	
48	31066048	Truyền thông giáo dục sức khỏe	4							X	
49	31002049	Phân tích số liệu	3						X		
50	31072050	Nghiên cứu định tính	2						X		



Signature

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
51	31071051	Thiết kế, đánh giá chương trình y tế	2							X	
52	31071052	Xây dựng dự án	4								X
53	31071053	Thực tập cộng đồng 3	6								X
Các học phần chuyên ngành tự chọn: chọn 8 tín chỉ trong 18 tín chỉ											
54	30067054	Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học	3							X	
55	30065055	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm	3							X	
56	30066056	Xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	3								X
57	30002057	Quản trị cơ sở dữ liệu sức khỏe	3								X
58	30002058	Thống kê y sinh học ứng dụng	2							X	
59	30066059	Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm	2							X	
60	30071060	Nghiên cứu và đánh giá hệ thống thông tin y tế	2							X	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện							
				1	2	3	4	5	6	7	8
Các học phần tốt nghiệp: chọn 1 trong 2 học phần											
61	40067061	Khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng	8								X
62	40068062	Thay thế khoá luận tốt nghiệp Y tế công cộng	8								X

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH



